TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊN HÒA** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26-5-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Anh Dũng;
2. Bà Hoàng Thị Mai.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Diệu Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Như Nên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025 tại Toà án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 237/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 06/5/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị K**, sinh năm 1991; thường trú: 137/24/3, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nơi ở hiện nay: Ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông **Phạm Duy T**, sinh năm 1986; cư trú: 137/24/3, khu phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị K trình bày:**

Bà Đỗ Thị K và ông Phạm Duy T tự nguyện đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 68/2013 cấp ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn năm 2013 hai vợ, chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không thể hòa hợp, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống và sinh hoạt, ông T đam mê cờ bạc, bà K phải trả nợ nhiều lần cho ông

T. Bà K đã cố gắng khắc phục và hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay bà K nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn hôn không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Duy T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà K xác định, vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Phạm Đăng K1, sinh ngày 26/6/2015. Sau ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K1, tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà K xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà K xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Duy T trình bày:**

Ông Phạm Duy T và bà Đỗ Thị Kim tự N đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 68/2013 cấp ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, ông T vẫn yêu thương vợ, con. Tuy nhiên, thời gian sau đó, ông T chơi đam mê cờ bạc dẫn đến nợ nần bà K phải trả nợ cho ông T. Từ đó, tình cảm vợ chồng dạn nứt, do ông T sa vào cờ, bạc nhiều lần không sữa chữa được nên bà K không chịu đựng được đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Nay ông T đã nhận ra lỗi lầm của mình nên mong muốn vợ chồng được hàn gắn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Ông T xác định ông vẫn còn tình cảm yêu thương vợ nên ông không đồng ý ly hôn với bà K.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông T xác định, vợ chồng ông có 01 con chung là cháu Phạm Đăng K1, sinh ngày 26/6/2015. Sau ly hôn, ông T đồng ý giao cháu K1 cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông T xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Kim đối V ông Phạm Duy T; ghi nhận sự thỏa thuận của các dương sự về việc giao con chung là cháu K1 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng và đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Ông T, bà K xác định tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét; về nợ chung: Ông T, bà K xác định không có nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tố tụng:

- Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:

Bà Đỗ Thị Kim khởi K2 yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Phạm Duy T. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà K là nguyên đơn, ông T là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Duy T đang cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà Kim thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị K và ông Phạm Duy T tự nguyện đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 68/2013 cấp ngày 31/12/2013 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà K xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014 để giải quyết.

Xét thấy: Bà Kim khai, sau khi kết hôn năm 2013 hai vợ, chồng thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau, cuộc sống chung không thể hòa hợp, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong lối sống và sinh hoạt, ông T đam mê cờ bạc, bà K phải trả nợ nhiều lần cho ông T. Bà K đã cố gắng khắc phục và hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay bà K nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà K xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T, mục đích hôn hôn không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, ông T có lời khai thừa nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà K có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như bà K trình bày trên là đúng. Nhưng nay ông đã nhận ra lỗi lầm của mình và vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con nên ông không đồng ý ly hôn với bà K và mong muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà K và ông T là có thật và đã rạn nứt không thể hàn gắn được. Mặc dù, ông T mong muốn tiếp tục được hàn gắn đoàn tụ gia đình nhưng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà K vẫn nhất quyết giữ nguyên yêu cầu ly hôn, không mong muốn hòa giải đoàn tụ vì theo bà K cho rằng bà đã nhiều lần cho ông T cơ hội sửa chữa lỗi lầm để đoàn tụ nhưng không

thành, bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T. Do đó, bà K xin ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Bà K, ông T xác định, trong thời kỳ hôn nhân, có 01 con chung là cháu Phạm Đăng K1, sinh ngày 26/6/2015. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, ông T, bà K thống nhất giao cháu khoa cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, Tại lời khai của cháu K1 (mút lục 25) cháu K1 trình bày cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Bà K, ông T thống nhất giao cháu khoa cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao con chung là cháu K1 cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà K, ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà K, ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Về án phí: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim P chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, 92 Khoản 4 Điều 147, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9, Điều 11 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim đối V bị đơn ông Phạm Duy T.

Bà Đỗ Thị K được ly hôn với ông Phạm Duy T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Đăng K1, sinh ngày 26/6/2015 cho bà K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Duy T không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết,

một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà K, ông T xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà K, ông T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim P chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà K đã nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005479 ngày 09/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Bà K đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục thi hành án DS TP. Biên Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã An Viễn, huyện Trảng Bom;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Nguyệt